**PHỤ LỤC SỐ II**

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO) VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG CUỐI NĂM, NĂM (LIỀN KỀ) CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 06/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: /BC-Tên ĐV | *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo) và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề)**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN TỘC**

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đối với các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ; các chỉ thị, kết luận, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

3. Công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đối với Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC DO BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO**

1. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

2. Kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách hiện hành tác động trực tiếp đến vùng DTTS&MN.

- Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số II-01).

3. Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chương trình, chính sách dân tộc thực hiện tại vùng DTTS&MN.

**III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC TẠI BỘ, NGÀNH**

1. Kết quả đạt được

2. Một số hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG CUỐI NĂM, NĂM (LIỀN KỀ)**

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

2. Với các bộ, ngành

3. Với Ủy ban Dân tộc

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ------------- (Thực hiện BC)** | **Phụ biểu số II-01** |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

*(Kèm theo Báo cáo số ..................... ngày... tháng ... năm của.................)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí (Tr.đ)** | **Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)** | | | | **Vốn giải ngân (Tr.đ)** | **Số công trình hoàn thành** | **Ghi chú** |
| **NSTƯ** | **NSĐP** | **Dân đóng góp (quy đổi)** | **Lồng ghép, vốn khác** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=6+7+8+9*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| 1 | Chính sách A.... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | ....... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chính sách B.... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | ......... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CỘNG** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)* |